

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG HỢP TÁC CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

LÊ THỊ THUY DƯƠNG*

Ngày nhận bài: 15/06/2017; ngày sửa chữa: 19/06/2017; ngày duyệt đăng: 27/06/2017.

Abstract: Collaboration is one of important skills required by the society today. Collaboration is the act of working with another person or group of people based on the same goals or same purpose to drive success. This article presents measures to develop collaboration skills for pre-school children aged 5 to 6 through role-playing games at some kindergartens in Tuy Hoa city, Phu Yen province. The results show that these measures have positive impact on the development of collaboration skills for kindergarteners aged 5 to 6.

Keywords: Measures, collaboration skills, pre-school children aged 5 to 6, role-playing games.

Vui chơi là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi mẫu giáo (MG), thông qua chơi, trẻ có cơ hội chia sẻ, linh hoạt trong mọi hoạt động; vì vậy, việc giáo dục kĩ năng hợp tác (KNHT) cho trẻ là rất cần thiết. Thời điểm thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất cho việc giáo dục phát triển nhân cách trẻ là 5-6 tuổi. Ở lứa tuổi này, nhu cầu hợp tác ở trẻ càng phát triển mạnh mẽ, nhờ hợp tác, trẻ có cơ hội chia sẻ bạn bè, đàm phán, thiết lập mối quan hệ xung quanh... Tuy nhiên, kết quả giáo dục KNHT của trẻ MG qua trò chơi đóng vai theo chủ đề (TCĐVTCD) chưa cao. Do đó, việc đề xuất một số biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi qua TCĐVTCD là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cần nghiên cứu.

1. Cơ sở đề xuất biện pháp

Trong nghiên cứu này, để đề xuất được các biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ MG 5-6 tuổi qua TCĐVTCD, chúng tôi dựa trên cơ sở sau: Cơ sở lí luận về KNHT, dựa vào thực trạng KNHT của trẻ MG 5-6 tuổi và thực trạng giáo dục KNHT cho trẻ MG 5-6 tuổi qua TCĐVTCD.

2. Một số biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi qua TCĐVTCD

2.1. Xây dựng quy trình giáo dục KNHT cho trẻ 5-6 tuổi qua TCĐVTCD

2.1.1. Mục tiêu của biện pháp: Giúp giáo viên (GV) có thể nhìn, hiểu rõ cách thức hướng dẫn, thiết kế tổ chức hoạt động, biết lựa chọn nội dung, phương pháp, đánh giá các KNHT theo đúng mức độ đạt của trẻ, cần: "Xây dựng quy trình giáo dục KNHT qua TCĐVTCD cho trẻ 5-6 tuổi".

2.1.2. Nội dung - cách tiến hành: Quá trình tổ chức TCĐVTCD cho trẻ 5-6 tuổi được thực hiện gồm nhiều giai đoạn và mỗi giai đoạn lại có một chức năng riêng,

mang tính hợp tác nhằm tạo điều kiện cho việc giáo dục KNHT ở trẻ đạt hiệu quả hơn, cụ thể:

- *Bước 1: Lập kế hoạch tổ chức hoạt động* (làm việc chung cả lớp): + GV giới thiệu chủ đề chơi cho cả lớp thảo luận và nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ chung trong toàn giờ hoạt động; + Tổ chức hoạt động: trò chuyện và định hướng cho trẻ trước khi chơi, giao nhiệm vụ cho các nhóm chơi, quy định nội dung và phân công nhiệm vụ.

- *Bước 2. Làm việc nhóm:* Việc lập kế hoạch và thoả thuận quy tắc làm việc cho các nhóm là giai đoạn khó nhất của trẻ. Nếu GV không có năng lực, không linh hoạt, không có kinh nghiệm dễ bị áp đặt máy móc, hình thức và trẻ có thể tranh cãi về những công việc phân công khi chưa đúng sở thích... gây xung đột, khó hướng tới mục tiêu chung.

- *Bước 3. Ra quyết định:* Giai đoạn này trẻ không còn e ngại như lúc đầu. Trẻ linh hoạt sử dụng quyết định của mình như một công cụ để hiện thực hoá ý tưởng, ưu tiên những nhiệm vụ cần thiết và giải quyết những vấn đề khúc mắc. Rất nhiều việc được hoàn thiện và tạo nên gắn bó rất cao giữa các thành viên trong nhóm. Mỗi tình huống khó khăn xảy ra được trẻ giải quyết sẽ có tác dụng giúp trẻ lĩnh hội kiến thức, kinh nghiệm xã hội; vì thế, GV phải luôn theo dõi quá trình hoạt động của trẻ và gợi ý để trẻ tìm ra cách giải quyết nhanh chóng và hiệu quả.

- *Bước 4. Tổng hợp nhận xét:* Đại diện trưởng nhóm có thể trình bày ý tưởng của nhóm cho các thành viên nghe khi được chất vấn. GV tổng hợp và nhận xét về kết quả của nhóm.

* Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên

Như vậy, KNHT nhóm của trẻ đạt hiệu quả là nhờ tổng hợp nhiều yếu tố, như: lập kế hoạch, giao tiếp, lắng nghe, chia sẻ, thảo luận, giải quyết vấn đề... Muốn hợp tác thành công, mỗi cá nhân trong nhóm cần chú trọng phát triển vai trò của bản thân và tin tưởng, hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu chung.

2.2. Xây dựng nội dung, thiết kế các tình huống chơi, hoàn cảnh chơi mang tính hợp tác

2.2.1. Mục tiêu của biện pháp: Xây dựng nội dung và tình huống, hoàn cảnh chơi trong TCĐVTCD là điều kiện để giáo dục và phát triển KNHT. Tính vấn đề của các "tình huống chơi và hoàn cảnh" trong trò chơi kích thích sự hứng thú ở trẻ và duy trì hứng thú trong suốt quá trình chơi.

2.2.2. Nội dung - cách tiến hành:

- **Nội dung:** Các tình huống được nảy sinh từ các mối quan hệ diễn ra trong quá trình tổ chức trò chơi nhằm kích thích sự phát triển trẻ ở tính tích cực hợp tác giữ các vai chơi với nhau.

- **Cách tiến hành:** GV theo dõi, quan sát từng nhóm chơi để kịp thời phát hiện những tình huống nảy sinh trong quá trình chơi, gợi mở, kích thích, và yêu cầu trẻ giải quyết tình huống. Các tình huống đưa vào trong quá trình chơi phải khéo léo, linh hoạt nhằm mở rộng nội dung chơi, vai chơi, hoàn cảnh chơi, tạo điều kiện để trẻ liên kết các nhóm chơi với nhau, để trẻ phản ánh các mối quan hệ phức tạp trong cuộc sống người lớn; qua đó, trẻ có cơ hội thể hiện mình và biết cách ứng xử hợp tác với bạn. GV cần kịp thời động viên, khích lệ các trẻ có những biểu hiện của KNHT trong khi tham gia trò chơi cũng như giải quyết các tình huống để trẻ khác noi theo.

Như vậy, tận dụng tình huống và tạo ra tình huống trong trò chơi là vô cùng hấp dẫn đối với trẻ; vì vậy, cần lựa chọn và sử dụng biện pháp này phù hợp với đặc điểm của trẻ và diễn biến của tiến trình chơi. Làm được như vậy sẽ đạt được hiệu quả cao trong việc phát triển KNHT qua TCĐVTCD ở trẻ MG 5-6 tuổi.

2.3. Thiết kế môi trường và chuẩn bị đồ dùng đồ chơi hấp dẫn nhằm thu hút trẻ trước khi chơi

2.3.1. Mục tiêu biện pháp: Giúp trẻ có nhiều cơ hội, nhiều tình huống lựa chọn cách thức, tổ chức hoạt động, mang lại cho trẻ cơ hội phát triển, nảy sinh ý tưởng chơi, dự định chơi, khám phá ra nhiều điều mới lạ trong cuộc sống, để trẻ bộc lộ khả năng của mình. Cùng với đó, tạo cảm hứng học hỏi và khám phá ở trẻ, tạo môi trường chơi hấp dẫn là cơ hội để trẻ được giao tiếp và phát triển KNHT trong quá trình trẻ tham gia hoạt động nói chung và TCĐVTCD nói riêng.

2.3.2. Nội dung - cách tiến hành: GV cần tạo ra các "góc chơi" sáng tạo, có mục đích tổ chức rõ ràng.

GV lựa chọn vị trí chơi đảm bảo rộng, thoáng mát, thuận tiện, an toàn, vệ sinh, phù hợp với trò chơi; cần linh động trong môi trường lớp học nhỏ hẹp, tận dụng ban công, hành lang, hoặc các không gian bên ngoài lớp học để tổ chức và tạo các góc hoạt động cho trẻ; luôn đảm bảo cho trẻ có không gian hoạt động tự do, thoải mái, có như vậy mới kích thích trẻ bộc lộ và rèn luyện các KNHT. Để không gian chơi mang ý nghĩa giáo dục cụ thể, với mỗi chủ đề khác nhau, GV cần thường xuyên thay đổi cách trang trí, sắp xếp "góc chơi" theo chủ đề và mục đích riêng. GV cần sắp xếp vị trí hoạt động của các "góc chơi" phù hợp để trẻ dễ dàng quan sát, di chuyển. Việc sắp xếp các "góc chơi" vô cùng quan trọng trong việc phát triển KNHT ở trẻ. Do vậy, cần bố trí các nhóm chơi "tĩnh" và "động" xa nhau để không làm ảnh hưởng đến hoạt động chơi của trẻ. GV cũng phải chú ý đến tính "mở" và xuất phát từ kinh nghiệm, kỹ năng của trẻ, GV khuyến khích trẻ tích cực trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và biết kết hợp các loại đồ chơi với nhau theo ý tưởng của mình.

Tóm lại, môi trường chơi hấp dẫn bao gồm cả việc tạo dựng mối quan hệ thân thiện, cởi mở, gần gũi giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với GV. Sự chân tình, cởi mở, gần gũi của GV sẽ tạo cảm giác thoải mái, an toàn, dễ chịu và là điều kiện thuận lợi để trẻ được là chính mình. Đó là cơ sở để tạo cho mọi hoạt động giáo dục trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, trẻ luôn tự tin, mạnh dạn, chủ động và tích cực khi tham gia trò chơi; GV cũng cần động viên, khuyến khích đối với những nỗ lực và thành quả của trẻ trong khi chơi. GV đóng vai trò người tổ chức, hướng dẫn, là "điểm tựa", "thang đỡ" cho trẻ, giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

2.4. Tạo điều kiện thuận lợi để trẻ cùng chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng, thương lượng hợp tác, thoả thuận giữa các trẻ với nhau khi tham gia chơi

2.4.1. Mục tiêu của biện pháp: Tạo hứng thú và say mê cho trẻ khi chơi, được chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của bản thân cho các bạn trong môi trường phong phú, đầy tính kích thích và hấp dẫn. Tất cả những điều đó đã tạo nên sự phấn chấn tích cực chủ động ở trẻ khi tham gia trò chơi, cố gắng nỗ lực thực hiện ý đồ chơi, thoả thích bày tỏ mơ ước của bản thân. Đây là điều kiện thuận lợi biểu lộ những chuẩn mực và quy tắc hành vi đã được lĩnh hội, phát huy và bộc lộ KNHT trong tập thể bạn cùng tuổi. Khi được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tế, trẻ sẽ hình thành kỹ năng về hợp tác, đối mặt với những vấn đề khó khăn phát sinh, như: bất đồng quan điểm, bất đồng ý tưởng chơi, xung đột, mâu thuẫn giữa các bạn chơi, gây khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ... Từ những vấn đề đó, GV sẽ nhận thấy năng lực hợp tác của mỗi trẻ,

từ sự lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, đến năng lực phối hợp hoạt động chặt chẽ nhịp nhàng...

2.4.2. Nội dung - cách tiến hành: GV cần làm cho trẻ cảm nhận mình là người đặc biệt và quan trọng đối với các bạn; có vai trò nhất định trong trò chơi, không áp đặt trẻ chơi theo ý tưởng của GV; tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi nhất để trẻ được chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau. GV cần đặt ra những chủ đề chơi đa dạng, mới, kích thích sự hứng thú; đặt câu hỏi gợi mở, lắng nghe ý kiến của trẻ và mong muốn chơi cùng trẻ. GV luôn để dành cho trẻ khoảng thời gian tự chủ, để trẻ suy nghĩ, bàn bạc với các thành viên trong nhóm và đưa ra phương án tối ưu nhất, cùng nhau kê bàn ghế chuẩn bị bữa tiệc, cùng nhau làm đồ chơi trang trí các góc... GV luôn hỗ trợ, động viên kịp thời nếu nhóm chơi không thống nhất được phương án giải quyết. Ngoài ra, GV cần biết lắng nghe trẻ, luôn hướng mắt nhìn vào mắt trẻ, nở nụ cười với trẻ; đồng thời đưa ra lời khen ngợi khi cần thiết.

Việc khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi cùng nhau, hợp tác với nhau... thông qua các buổi chơi sẽ kích thích sự hứng thú, sự tự tin của trẻ vào quyết định của mình. Đáp ứng nhu cầu hứng thú cho trẻ sẽ tạo điều kiện để trẻ tích cực hợp tác với nhau trong quá trình chơi.

3. Kết quả thực nghiệm (TN) biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ MG 5-6 tuổi qua TCĐVTCD

3.1. Mục đích TN: TN nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả việc sử dụng biện pháp giáo dục KNHT cho trẻ MG 5-6 tuổi qua TCĐVTCD ở trường mầm non đã đề xuất và khẳng định giả thuyết khoa học đề ra.

3.2. Đối tượng và nội dung TN: - **Đối tượng TN:** Tiến hành TN trên 60 trẻ thuộc 2 lớp MG 5-6 tuổi của Trường mầm non Sơn Ca, Mầm non phường 1 (TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, năm học 2016-2017), mẫu TN và đối chứng (ĐC) đều có 30 trẻ tương đồng nhau về mức độ phát triển nhận thức, kĩ năng chơi...; - **Nội dung TN:** Phối hợp đồng bộ các biện pháp giáo dục được đề xuất ở trên, được áp dụng cho các chủ đề: *Gia đình, Thế giới thực vật, Quê hương đất nước*; - **Sự khác biệt giữa 2 nhóm:** **Nhóm TN:** tập huấn nội dung cách thức tổ chức như đã nghiên cứu; **Nhóm ĐC:** GV tự chuẩn bị và thực hiện các biện pháp cũ.

Để đánh giá KNHT của trẻ MG 5-6 tuổi qua TCĐVTCD, tác giả xây dựng tiêu chí đánh giá như sau: - **Tiêu chí 1:** Biết cùng thỏa thuận và chấp nhận

sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm chơi; - **Tiêu chí 2:** Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn; - **Tiêu chí 3:** Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi; - **Tiêu chí 4:** Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện công việc chung; - **Tiêu chí 5:** Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi...

3.3. Kết quả TN:

3.3.1. Kết quả đánh giá trước TN (xem bảng 1):

Bảng 1. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và nhóm ĐC

Biểu hiện (theo tiêu chí)	Lớp	Số trẻ	Mức độ						ĐTB	ĐLC
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm	TN	30	18	60,0	8	27,0	4	13,0	1,69	0,5
	ĐC	30	16	53,0	6	20,0	8	27,0	1,71	0,51
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi	TN	30	20	67,0	4	13,0	6	20,0	1,70	0,53
	ĐC	30	10	33,0	12	40,0	8	27,0	1,73	0,5
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn	TN	30	14	47,0	10	33,0	6	20,0	1,67	0,45
	ĐC	30	12	40,0	8	27,0	10	33,0	1,69	0,43
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	30	22	73,0	8	27,0	0	0	1,57	0,47
	ĐC	30	20	67,0	8	27,0	2	7,0	1,59	0,42
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi	TN	30	24	80,0	6	20,0	0	0	1,49	0,46
	ĐC	30	20	67,0	8	27,0	2	7,0	1,53	0,44
Tổng	TN	150	98	65,4	36	24,0	16	10,6	1,62	0,48
	ĐC	150	78	52	42	28,2	30	20,2	1,65	0,45

So sánh với tiêu chí thang đo thì mức độ biểu hiện của KNHT như sau: điểm trung bình (TB) mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 1,62; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 1,65. So sánh với thang đánh giá thuộc mức TB (dưới 2,1 điểm). ĐLC tương ứng của nhóm TN: 0,48 điểm và ĐC là: 0,45 điểm; điều này cho thấy, điểm TB thấp nên độ tin cậy về điểm TB cao. Điểm TB biểu hiện của KNHT dao động trong 2 mức (mức thấp và mức TB) với điểm TB cao nhất thuộc về nhóm ĐC đạt 2,0.

Kết quả ở **bảng 1** cũng cho thấy, tại thời điểm trước TN, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ ở cả nhóm TN và ĐC là tương đương nhau và đều nằm ở mức TB; tuy nhiên, chỉ nằm ở khoảng giữa của mức TB và yếu. Chúng ta có thể thấy: Hầu hết trẻ đã có biểu hiện của KNHT như: *biết chia sẻ thông tin với nhau, cùng bàn bạc, thảo luận quyết định một vấn đề nào đó*; tuy nhiên, còn ở mức độ thấp, chưa chủ động trong quá trình hợp tác khi chơi cùng bạn (nhóm ĐC: 52,0% và nhóm TN: 65,4%). Những trẻ thuộc loại yếu thường thụ động, rụt rè trong giao tiếp, chưa biết cách thỏa

thuận, hợp tác, hay chia sẻ ý tưởng với bạn trong nhóm chơi. Trẻ chưa có sự thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, các vai chơi, nhóm chơi và hay khó khăn khi đánh giá nhận xét bạn chơi và bản thân. Vì vậy, khi chơi trẻ không tập trung, ít chú ý vào nhóm chơi nên chất lượng và hiệu quả trò chơi chưa cao. Từ đó, cơ hội được thể hiện và rèn luyện các KNHT của trẻ trong khi chơi chưa có.

Đánh giá các biểu hiện KNHT của trẻ trong TCĐVTCD, chúng tôi nhận thấy: mặc dù kết quả chỉ ở mức độ trung bình, như:

- Hai biểu hiện thể hiện nổi nhất trong quá trình chơi: *Biết phối hợp hành động với bạn để chơi và Thỏa thuận với bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ của nhóm*, kết quả này đạt được là do: tính hấp dẫn của trò chơi, các nhiệm vụ của GV đặt ra cho nhóm, buộc trẻ phải phối hợp hoạt động với các bạn thì mới có thể đạt được mục đích của buổi chơi.

- Biểu hiện không được thể hiện thường xuyên trong quá trình chơi là: *Biết lắng nghe bạn và chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi*. Biểu hiện này khó đạt cao vì phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố: kinh nghiệm sống của trẻ, khả năng giao tiếp, khả năng lắng nghe người khác...

- Sự thông nhất chung về ý tưởng không được thực hiện sẽ dẫn đến hành động, thao tác chơi rời rạc. *Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi*, với biểu hiện này trẻ đạt ở mức độ yếu, nguyên nhân do trẻ có thói quen cứ có xung đột xảy ra là gọi cô giáo. Đây là sự thiếu hụt kỹ năng tự giải quyết xung đột để trò chơi được tiếp tục - cùng hướng đến mục tiêu chung.

- Còn biểu hiện *Thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi* thì diễn ra rời rạc, vì vậy, biểu hiện này ở cả 2 nhóm đều đạt ở mức độ TB.

Như vậy, trước TN mức độ biểu hiện từng KNHT của trẻ ở 2 nhóm TN và ĐC là tương đương nhau: nằm ở khoảng 1,3 điểm tới 2,1 điểm. Cho thấy các biểu hiện KNHT của trẻ trong trò chơi còn ở mức trung bình - yếu, trẻ còn phải dựa vào sự giúp đỡ của GV.

3.3.2. Đánh giá kết quả sau TN: (xem bảng 2)

So sánh với thang đo mức độ biểu hiện KNHT: Điểm TB mức độ biểu hiện của nhóm TN đạt 2,12 điểm mức cao, với độ lệch chuẩn 0,61 điểm; mức độ biểu hiện của nhóm ĐC là 1,91 điểm mức TB, với độ lệch chuẩn 0,41 điểm.

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy: có sự thay đổi rõ rệt giữa hai nhóm ĐC và nhóm TN: mức độ biểu

Bảng 2. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm TN và ĐC sau TN

Nội dung biểu hiện (theo tiêu chí)	Lớp	Số trẻ	Mức độ						ĐTB	ĐLC
			Thấp		Trung bình		Cao			
			SL	%	SL	%	SL	%		
Biết thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm	TN	30	2	7,0	16	53,0	12	40,0	2,23	0,62
	ĐC	30	16	53,0	8	27,0	6	20,0	2,11	0,43
Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi	TN	30	6	20,0	10	33,0	14	47,0	2,12	0,58
	ĐC	30	12	40,0	14	47,0	4	13,0	1,95	0,41
Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn	TN	30	6	20,0	14	47,0	10	33,0	2,02	0,60
	ĐC	30	12	40,0	10	33,0	8	27,0	1,87	0,39
Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện trò chơi	TN	30	10	33,0	12	40,0	8	27,0	2,12	0,64
	ĐC	30	22	73,0	8	27,0	0	0	1,89	0,42
Biết thiết lập mối quan hệ với các bạn cùng chơi, vai chơi, nhóm chơi	TN	30	4	13,0	20	67,0	6	20,0	2,15	0,60
	ĐC	30	18	60,0	10	33,0	1	7,0	1,79	0,40
Tổng	TN	150	28	18,6	72	48,0	50	33,4	2,12	0,61
	ĐC	150	80	53,2	50	33,4	20	13,4	1,91	0,41

hiện KNHT của trẻ ở nhóm TN và ĐC đều tăng lên so với kết quả khảo sát trước TN. Mặc dù, kết quả trước TN của 2 nhóm TN và ĐC là tương đương nhau, nhưng sau TN kết quả thu được giữa nhóm TN và ĐC đã có sự chênh lệch rõ rệt. Điều này được thể hiện rõ qua điểm TB của cả 2 nhóm: điểm TB của nhóm ĐC chỉ đạt 1,91 điểm, điểm TB của nhóm TN là 2,12 điểm, điều này cho thấy có sự chênh lệch đáng kể giữa 2 nhóm.

Mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN đã có sự tăng lên rõ rệt. Số lượng trẻ có biểu hiện KNHT đạt mức độ cao 33,4%, trung bình 48,0%, thấp 18,6%. Sau khi TN, số trẻ có biểu hiện ở mức độ thấp giảm hơn so với trước TN. Mức độ biểu hiện KNHT của nhóm ĐC có tăng nhưng không đáng kể, tỉ lệ đạt trẻ mức cao 13,4%, TB 33,4% và thấp 53,2%. So với nhóm TN, mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm ĐC thấp hơn ở tất cả các mức độ biểu hiện. Từ đó cho thấy, mức độ biểu hiện của từng KNHT của nhóm TN sau khi ứng dụng TN đã có sự thay đổi rõ rệt. Như vậy, sau TN mức độ biểu hiện KNHT của trẻ nhóm TN đã có sự tăng lên rõ rệt: trẻ nhanh nhẹn, linh hoạt, chủ động và tích cực hơn nhiều khi: *phối hợp hành động chơi, thỏa thuận chơi, lắng nghe, chia sẻ, chủ động giải quyết xung đột, chủ động thiết lập mối quan hệ giữa các nhóm chơi được trẻ thể hiện ngày càng tốt hơn...*

Điều này thể hiện cụ thể qua các tiêu chí như sau:

- *Biết cùng thỏa thuận với các bạn và chấp nhận sự phân công nhiệm vụ chơi của nhóm*: biết lựa chọn được vai chơi phù hợp với khả năng và sở thích của mình, trẻ tích cực và thể hiện tốt hơn khi được đóng những vai chúng thích trong những trò chơi do chính mình đưa ra mà phù hợp với khả năng bản thân; biết thỏa thuận với nhau trong quá trình hoạt động để thực hiện nội dung chơi hiệu quả nhất (đã thể hiện lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn, mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình rõ ràng). Từ đó, trò chơi trở nên hấp dẫn hơn, những ý tưởng hay và sáng tạo của trẻ xuất hiện nhiều hơn. Nếu như trước TN, chỉ có một số ít trẻ làm được điều đó thì sau TN số lượng này đã tăng lên đáng kể, trẻ đã tích cực và thường xuyên đưa ra những trò chơi, vai chơi phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân.

- *Biết lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với các bạn*: biểu hiện chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng chơi với bạn của trẻ trở lên bền vững hơn. Trước TN, trẻ 5-6 tuổi bước đầu đã biết chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi, nhưng biểu hiện đó chưa bền vững. Khi tham gia vào hoạt động TN, trẻ đã rất hứng thú và tích cực hoạt động. Trẻ đã biết suy nghĩ, giúp đỡ, chia sẻ ý tưởng của mình với các bạn trong nhóm chơi cùng thực hiện nhiệm vụ của mình.

- *Biết phối hợp hành động chơi với các bạn khi thực hiện trò chơi*: trẻ đã biết giúp đỡ nhau, hợp sức để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. Yêu cầu của các trò chơi mà GV đưa ra cho trẻ đã làm cho trẻ thấy cần phải có sự phối hợp với nhau mới có thể thực hiện tốt được nhiệm vụ.

- *Thiết lập mối quan hệ giữa vai chơi, nhóm chơi...* Trước TN, việc làm này khá lỏng lẻo, liên kết giữa các nhóm chơi rất thụ động, còn nhờ sự can thiệp của GV; sau TN, việc thiết lập mối quan hệ với trẻ đã trở nên linh hoạt, chủ động hơn.

- *Biết giải quyết xung đột xảy ra trong khi chơi để cùng thực hiện công việc chung*: trẻ có thể tự giải quyết được xung đột đem lại không khí vui vẻ, thân thiện trong các nhóm chơi mà không cần nhờ đến sự giúp đỡ của GV như trước.

Khi kết thúc buổi chơi, trẻ biết cách nhận xét, đánh giá về các bạn chơi cũng như tự đánh giá về mình một cách thuận thực, khách quan, thỏa mãn với trẻ hơn. Chính sự hoạt động thoải mái, tinh thần đoàn kết cao đã hạn chế tối đa vấn đề xung đột xảy ra trong quá trình chơi; nếu có xảy ra xung đột thì trẻ có thể tự mình giải quyết với nhau trong nhóm để tiếp tục cuộc chơi, ít cần sự can thiệp của GV.

Hiện thực hóa những biện pháp đã đề xuất ở trên vào thực tiễn cho thấy: mức độ biểu hiện KNHT tác của trẻ sau TN ở nhóm TN cao hơn trước TN và cao hơn nhiều so với nhóm ĐC. Kết quả TN chứng minh tính khả thi và hiệu quả giáo dục của một số biện pháp giáo dục KNHT thông qua TCĐVTGD.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Thanh Âm (2002). *Giáo dục học mầm non* tập 3. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non*.
- [3] Trịnh Dân - Đinh Văn Vang (2008). *Giáo dục học trẻ em*, tập 2. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thị Thanh Hà (2006). *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non*. NXB Giáo dục.
- [5] Ngô Công Hoàn (1995). *Tâm lý học trẻ em* (Lứa tuổi lọt lòng từ 0-6 tuổi). NXB Giáo dục.
- [6] Ngô Công Hoàn (2006). *Giá trị đạo đức và giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến...

(Tiếp theo trang 51)

pháp phát triển năng lực đội ngũ GVDN theo chuẩn nghề nghiệp GV, giảng viên DN. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010). *Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 29/9/2010 quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 1216-QĐ/TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020*.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 418-QĐ/TTg phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2011-2020*.
- [5] Chính phủ (2006). *Luật Dạy nghề*.
- [6] Chính phủ (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*.
- [7] Phạm Ngọc Anh (2004). *Nội dung và biện pháp bồi dưỡng trình độ sư phạm cho giáo viên trường cao đẳng kỹ thuật ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Trần Hùng Lượng (2003). *Một số giải pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm kỹ thuật cho đội ngũ giáo viên dạy nghề Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.